

Số: 40/2022/QĐST - HNGĐ

T, ngày 29 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Đức N, sinh năm 1982

Địa chỉ: số 855 Quốc lộ 1A, Khu phố T 2, phường T, thành phố T, tỉnh Long An

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1981

Nơi đăng ký HKTT: số 03 ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An

Chỗ ở hiện nay: số 40 N, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

XÉT THẤY

[1] Ông Trần Đức N và bà Nguyễn Thị V tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Long An vào ngày 12/10/2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 21 tháng 3 năm 2022, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Đức N và bà Nguyễn Thị V tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: ông Trần Đức N và bà Nguyễn Thị V xác định không có con chung nên không đề cập.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Đức N và bà Nguyễn Thị V thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về các vấn đề khác: Không yêu cầu.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Ông Trần Đức N và bà Nguyễn Thị V thỏa thuận ông Trần Đức N và bà Nguyễn Thị V cùng chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ông Trần Đức N và bà Nguyễn Thị V đã nộp theo biên lai thu số 0001382 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An thành lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND phường T, thành phố T, tỉnh Long An;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm Hằng